

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9



## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 5403000030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2006 và Giấy chứng nhận Đăng kí Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 9 tháng 7 năm 2016.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trương Vĩnh Tùng  
Ông Lương Trung Nhân  
Bà Vũ Thanh Phương

Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Chim Thị Ngọc Mỹ  
Bà Nguyễn Trang  
Bà Nguyễn Thị Bích Hà

Trưởng Ban  
Thành viên  
Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Lương Trung Nhân  
Ông Trần Văn Giàu  
Ông Bùi Chí Hiếu

Giám đốc  
Phó giám đốc  
Kế toán trưởng

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Lương Trung Nhân

Giám đốc

#### Trụ sở chính

Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, Thành phố Vĩnh Long,  
Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

049  
ÔNG  
PH  
ÔNG  
SÀI  
IGT  
G-T

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lương Trung Nhân  
Giám đốc

Tỉnh Vĩnh Long, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017, và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 32.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 28 tháng 2 năm 2017.



**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**

  
Lương Thị Ánh Tuyết  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3048-2017-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Cao Thị Ngọc Loan  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3030-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6934  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>324.781.046.550</b>	<b>178.312.393.452</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>157.790.867.296</b>	<b>20.735.275.474</b>
111	Tiền	3	157.790.867.296	20.735.275.474
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>42.002.645.430</b>	<b>74.291.902.666</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	36.057.142.613	4.026.861.814
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	4.978.294.003	33.643.850.777
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	967.208.814	36.635.190.215
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(14.000.140)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	7	<b>122.714.092.658</b>	<b>82.540.544.486</b>
141	Hàng tồn kho		123.121.277.475	82.540.544.486
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(407.184.817)	-
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.273.441.166</b>	<b>744.670.826</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		703.521.870	744.670.826
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.569.919.296	-
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>93.395.688.666</b>	<b>66.597.142.586</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>33.539.816.982</b>	<b>35.635.883.018</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	15.012.551.886	16.825.082.589
222	Nguyên giá		24.102.687.409	24.837.660.729
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(9.090.135.523)	(8.012.578.140)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	18.527.265.096	18.810.800.429
228	Nguyên giá		21.939.749.253	21.709.749.253
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.412.484.157)	(2.898.948.824)
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	9	<b>4.000.000.000</b>	<b>6.725.338.420</b>
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.000.000.000	9.069.614.327
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(2.344.275.907)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>55.855.871.684</b>	<b>24.235.921.148</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	55.855.871.684	24.235.921.148
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>418.176.735.216</b>	<b>244.909.536.038</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>304.717.102.215</b>	<b>96.339.656.702</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>304.717.102.215</b>	<b>96.339.656.702</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	216.611.775.596	38.598.637.437
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		48.583.429	3.471.159.266
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	12	12.155.722.487	7.510.209.347
314	Phải trả người lao động		4.784.944.431	2.949.701.917
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	3.291.009.535	3.241.057.422
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	59.774.404.051	35.142.721.647
320	Vay ngắn hạn		-	1.210.000.000
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.157.684.375	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	5.892.978.311	4.216.169.666
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>113.459.633.001</b>	<b>148.569.879.336</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>113.459.633.001</b>	<b>148.569.879.336</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16, 17	40.000.000.000	40.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.000.000.000	40.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	17	17.402.513.589	17.402.513.589
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	56.057.119.412	91.167.365.747
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	61.864.443.171
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		56.057.119.412	29.302.922.576
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>418.176.735.216</b>	<b>244.909.536.038</b>



  
Trần Thị Mỹ Nhân  
Người lập

  
Bùi Chí Hiếu  
Kế toán trưởng

  
  
Lương Trung Nhân  
Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng	4.041.182.029.620	3.895.078.801.022
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(24.855.744.100)	(16.086.283.051)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	4.016.326.285.520	3.878.992.517.971
11	Giá vốn hàng bán	(3.769.986.302.419)	(3.701.097.776.016)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	246.339.983.101	177.894.741.955
21	Doanh thu hoạt động tài chính	4.331.060.954	1.284.659.349
22	Chi phí tài chính	(774.802.254)	(147.197.905)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(44.463.834)	(147.197.905)
25	Chi phí bán hàng	(183.198.676.785)	(170.712.404.697)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(25.866.099.172)	(20.995.843.057)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.831.465.844	(12.676.044.355)
31	Thu nhập khác	97.973.082.693	59.289.725.196
32	Chi phí khác	(1.022.000.845)	(1.331.784.669)
40	Lợi nhuận khác	96.951.081.848	57.957.940.527
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	137.782.547.692	45.281.896.172
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(30.119.200.155)	(8.891.911.556)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(491.707.790)
60	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	107.663.347.537	35.898.276.826
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.714	7.326
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.714	7.326

*Tham*

Trần Thị Mỹ Nhân  
Người lập

Bùi Chí Hiếu  
Kế toán trưởng

Lương Trung Nhân  
Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2018



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>137.782.547.692</b>	<b>45.281.896.172</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	8 2.434.884.217	2.394.005.039
03	Các khoản dự phòng	2.987.207.612	(462.429.034)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	23 (4.331.060.954)	(927.934.880)
06	Chi phí lãi vay	24 44.463.834	147.197.905
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>138.918.042.401</b>	<b>46.432.735.202</b>
09	Giảm các khoản phải thu	30.905.801.774	30.079.980.095
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(40.580.732.989)	11.681.859.960
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	155.703.061.953	(77.796.564.412)
12	Tăng chi phí trả trước	(31.578.801.580)	(10.696.901.672)
14	Tiền lãi vay đã trả	(44.463.834)	(147.197.905)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(27.245.371.776)	(3.558.717.356)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	(2.211.667.658)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>226.077.535.949</b>	<b>(6.216.473.746)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm TSCĐ	8 (338.818.181)	(11.438.516.882)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	166.000.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.482.513.507	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	23 843.547.447	927.934.880
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>6.153.242.773</b>	<b>(10.510.582.002)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Chi trả nợ gốc vay	(1.210.000.000)	(1.320.000.000)
36	Chi trả cổ tức cho cổ đông	(93.965.186.900)	(3.193.961.600)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(95.175.186.900)</b>	<b>(4.513.961.600)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>137.055.591.822</b>	<b>(21.241.017.348)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3 20.735.275.474</b>	<b>41.976.292.822</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 157.790.867.296</b>	<b>20.735.275.474</b>

*Tham*

Trần Thị Mỹ Nhân  
Người lập

*Zealume*

Bùi Chí Hiếu  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Trung Nhân*

Lương Trung Nhân  
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5403000030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp vào ngày 17 tháng 3 năm 2006. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất lần thứ 13, ngày 09 tháng 7 năm 2016.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bia, rượu và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì; kinh doanh dịch vụ nhà hàng; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Công ty có trụ sở chính tại Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh:

<b>Chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Long An	Số 177 Quốc lộ 62, Phường 6, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam
Chi nhánh Tiền Giang	Đường Lý Thường Kiệt, phường 6, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Chi nhánh Trà Vinh	Quốc lộ 53, Ấp Bến Có, Xã Nguyệt Hóa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
Chi nhánh Đồng Tháp	Số 530K Tổ 20 Ấp An Định, Xã An Bình Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Chi nhánh Bến Tre	Số 49B Đường Đồng Văn Cống, Ấp Bình Thành, Xã Bình Phú, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 432 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 430 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

500  
CỘ  
: 0  
Ư  
A S.  
. 0N  
/ ON

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.7 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

5912  
CÔNG TY  
HÀNG  
SÀI GÒN  
SÔNG TIỀN  
T.V.V

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phần mềm máy tính	5

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm phù hợp với Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 21 tháng 9 năm 2011.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.9 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### 2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### 2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### 2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### 2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.16 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty. Quỹ này được trích tối đa là 10% của lợi nhuận sau thuế mỗi năm và số dư không được vượt quá 25% vốn điều lệ của Công ty.

**(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên. Quỹ được trích tối đa không được vượt quá tổng quỹ lương của 3 tháng trước ngày trích quỹ.

**2.17 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

04:  
ĐN  
P  
JN  
SÀ  
NG  
VG

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(c) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong giai đoạn Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kì lập báo cáo.

**2.19 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn.

**2.21 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, chủ yếu bao gồm các chi phí hỗ trợ bán hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí bao bì luân chuyển, chi phí vận chuyển bốc vác, chi phí bảo quản sản phẩm, chi phí thuê kho và các chi phí bằng tiền khác.

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.





## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 2.24 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

### 2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN**

Mẫu số B 09 – DN

**3 TIỀN**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	12.897.200	70.406
Tiền gửi ngân hàng	157.777.970.096	20.735.205.068
	<u>157.790.867.296</u>	<u>20.735.275.474</u>

**4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba	-	3.602.347.214
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	36.057.142.613	424.514.600
	<u>36.057.142.613</u>	<u>4.026.861.814</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Nước Giải khát Khánh An	4.138.294.002	27.101.783.537
Bên thứ ba khác	840.000.001	6.528.067.100
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	-	14.000.140
	<u>4.978.294.003</u>	<u>33.643.850.777</u>

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba	642.208.814	559.346.443
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	325.000.000	36.075.843.772
	<u>967.208.814</u>	<u>36.635.190.215</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	22.428.566.300	-	6.141.025.950	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	2.760.569.333	(407.184.817)	911.592.000	-
Hàng hóa	97.932.141.842	-	75.487.926.536	-
	<u>123.121.277.475</u>	<u>(407.184.817)</u>	<u>82.540.544.486</u>	<u>-</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng dự phòng	407.184.817	-
Số dư cuối năm	<u>407.184.817</u>	<u>-</u>

500  
CỘNG  
CỔ P  
/SÀ  
SÀI  
GÒN  
SÔNG  
TIỀN  
/VGD

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN**

Mẫu số B 09 – DN

<b>8</b>	<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>(a)</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>					
	<b>Nguyên giá</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	17.279.822.262	399.948.048	7.071.890.419	86.000.000	24.837.660.729
	Mua trong năm	-	108.818.181	-	-	108.818.181
	Thanh lý, nhượng bán	-	(179.993.504)	(663.797.997)	-	(843.791.501)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	17.279.822.262	328.772.725	6.408.092.422	86.000.000	24.102.687.409
	<b>Khấu hao lũy kế</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	3.579.725.762	258.754.367	4.167.823.011	6.275.000	8.012.578.140
	Khấu hao trong năm	1.166.453.628	55.555.392	680.514.864	18.825.000	1.921.348.884
	Thanh lý, nhượng bán	-	(179.993.504)	(663.797.997)	-	(843.791.501)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.746.179.390	134.316.255	4.184.539.878	25.100.000	9.090.135.523
	<b>Giá trị còn lại</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	13.700.096.500	141.193.681	2.904.067.408	79.725.000	16.825.082.589
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	12.533.642.872	194.456.470	2.223.552.544	60.900.000	15.012.551.886

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 843.791.501 đồng).

**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	21.628.749.253	81.000.000	<b>21.709.749.253</b>
Mua trong năm	-	230.000.000	<b>230.000.000</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>21.628.749.253</u>	<u>311.000.000</u>	<b><u>21.939.749.253</u></b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.829.348.824	69.600.000	<b>2.898.948.824</b>
Khấu hao trong năm	485.818.668	27.716.665	<b>513.535.333</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>3.315.167.492</u>	<u>97.316.665</u>	<b><u>3.412.484.157</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	<u>18.799.400.429</u>	<u>11.400.000</u>	<b><u>18.810.800.429</u></b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>18.313.581.761</u>	<u>213.683.335</u>	<b><u>18.527.265.096</u></b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 51.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 51.000.000 đồng).

**9 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá gốc VND	Dự phòng
Công ty Cổ phần Bia-Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	3.250.000.000	-	3.250.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	-	-	1.995.000.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	750.000.000	-	750.000.000	-
Hội quán Bia Sài Gòn Vĩnh Long	-	-	2.657.894.600	(2.126.215.680)
Nhà hàng Kiệt Hương	-	-	308.000.000	(109.340.500)
Hội quán Bia Sài Gòn Trà Vinh	-	-	108.719.727	(108.819.727)
	<u>4.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>9.069.614.327</u>	<u>(2.344.375.907)</u>

(\*) Tại ngày của báo cáo tài chính này, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên vì đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn không niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê kho	13.448.179.992	1.313.275.757
Bao bì luân chuyển (*)	42.407.691.692	22.922.645.391
	<u>55.855.871.684</u>	<u>24.235.921.148</u>

(\*) Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	24.235.921.148	14.283.690.302
Mua mới trong năm	57.069.821.611	27.844.261.817
Phân bổ trong năm	(25.449.871.075)	(17.892.030.971)
Số dư cuối năm	<u>55.855.871.684</u>	<u>24.235.921.148</u>

**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bên thứ ba	4.829.395.945	7.498.413.338
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	211.782.379.651	31.100.224.099
	<u>216.611.775.596</u>	<u>38.598.637.437</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN**

**Mẫu số B 09 – DN**

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	2017 VND	2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	8.756.199.855	5.882.371.476
Thuế giá trị gia tăng	1.715.250.102	1.290.140.367
Thuế thu nhập cá nhân	1.684.272.530	337.697.504
	<u>12.155.722.487</u>	<u>7.510.209.347</u>

(\*) Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Ngân sách Nhà Nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	5.882.371.476	30.119.200.155	-	(27.245.371.776)	8.756.199.855
Thuế giá trị gia tăng	1.290.140.367	662.274.681.917	(642.864.062.424)	(18.985.509.758)	1.715.250.102
Thuế thu nhập cá nhân	337.697.504	4.542.005.787	-	(3.195.430.761)	1.684.272.530
	<u>7.510.209.347</u>	<u>696.935.887.859</u>	<u>(642.864.062.424)</u>	<u>(49.426.312.295)</u>	<u>12.155.722.487</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN**

Mẫu số B 09 – DN

**13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng	2.178.777.166	2.235.999.092
Chi phí bốc xếp	708.284.000	871.906.800
Khác	403.948.369	133.151.530
	<u>3.291.009.535</u>	<u>3.241.057.422</u>

**14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	40.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	19.114.364.200	34.679.630.400
Khác	660.039.851	463.091.247
	<u>59.774.404.051</u>	<u>35.142.721.647</u>

**15 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.892.978.311	4.216.169.666

(\*) Biến động về quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	4.216.169.666	6.259.083.074
Tăng trong năm (Thuyết minh 17)	8.808.406.972	6.595.354.250
Sử dụng trong năm	(7.131.598.327)	(8.638.267.658)
Số dư cuối năm	<u>5.892.978.311</u>	<u>4.216.169.666</u>

9127  
TY  
ÁN  
MẠI  
SÀI  
GÒN  
SÔNG  
TIỀN  
VINH



**16 VỐN GÓP CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>2017</b> <b>Cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>	<b>2016</b> <b>Cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	4.000.000	4.000.000

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>2017</b>		<b>2016</b>	
	<b>Cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>	<b>%</b>	<b>Cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	3.600.000	90	3.600.000	90
Các cổ đông khác	400.000	10	400.000	10
	<u>4.000.000</u>	<u>100</u>	<u>4.000.000</u>	<u>100</u>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b> <b>VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.000.000	40.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN**

Mẫu số B 09 – DN

**17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	40.000.000.000	17.402.513.589	65.058.404.771	122.460.918.360
Lợi nhuận trong năm	-	-	35.898.276.826	35.898.276.826
Chia cổ tức	-	-	(3.193.961.600)	(3.193.961.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 (Thuyết minh 15)	-	-	(6.595.354.250)	(6.595.354.250)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	40.000.000.000	17.402.513.589	91.167.365.747	148.569.879.336
Lợi nhuận trong năm	-	-	107.663.347.537	107.663.347.537
Chia cổ tức	-	-	(133.965.186.900)	(133.965.186.900)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 (Thuyết minh 15)	-	-	(8.808.406.972)	(8.808.406.972)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	40.000.000.000	17.402.513.589	56.057.119.412	113.459.633.001

**18 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2017	2016
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	107.663.347.537	35.898.276.826
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.808.406.972)	(6.595.354.250)
	<u>98.854.941.565</u>	<u>29.302.922.576</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>24.714</u>	<u>7.326</u>

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**19 CỔ TỨC**

Biến động về cổ tức phải trả trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả trong năm	133.965.186.900	3.193.961.600
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(93.965.186.900)	(3.193.961.600)
	<u>40.000.000.000</u>	<u>-</u>

**20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	2017 VND	2016 VND
Hàng hoá nhận giữ hộ	<u>136.476.584.530</u>	<u>83.614.757.540</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SỐNG TIỀN**

Mẫu số B 09 – DN

**21 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG**

	2017 VND	2016 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán bia	4.041.182.029.620	3.895.078.801.022
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(24.855.744.100)	(16.086.283.051)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<u>4.016.326.285.520</u>	<u>3.878.992.517.971</u>

**22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.769.579.117.602	3.701.097.776.016
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	407.184.817	-
	<u>3.769.986.302.419</u>	<u>3.701.097.776.016</u>

**23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	205.585.067	356.724.469
Lãi bán các khoản đầu tư	3.487.513.507	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	637.962.380	927.934.880
	<u>4.331.060.954</u>	<u>1.284.659.349</u>

**24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền vay	44.463.834	147.197.905
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và tổn thất đầu tư	730.338.420	-
	<u>774.802.254</u>	<u>147.197.905</u>

// 2/2/2017

## 25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	51.988.892.578	57.837.420.080
Chi phí nhân viên	47.663.802.675	41.903.318.355
Chi phí bao bì, chai kết	25.690.024.431	17.078.780.668
Chi phí văn phòng, nhà xưởng, nhà kho	26.702.789.493	18.744.466.615
Chi phí vận chuyển, bốc vác	13.915.951.773	13.139.210.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.409.144.115	8.940.786.574
Chi phí hao bể, trà xước	2.264.171.679	2.276.400.592
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.784.470.260	1.783.595.453
Chi phí khác	2.779.429.781	9.008.425.729
	<u>183.198.676.785</u>	<u>170.712.404.697</u>

## 26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	12.753.473.365	11.348.935.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.404.599.096	5.474.179.421
Chi phí đồ dùng văn phòng	226.140.879	283.088.464
Chi phí khấu hao	650.413.957	610.409.586
Khác	7.831.471.875	3.279.230.193
	<u>25.866.099.172</u>	<u>20.995.843.057</u>

## 27 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2017 VND	2016 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu từ thanh lý vỏ chai, kết bia	17.011.022.000	8.356.824.400
Thu hỗ trợ bán hàng (*)	73.330.608.224	50.433.623.282
Tiền phạt thu được	166.000.000	-
Thu nhập khác	7.465.452.469	499.277.514
	<u>97.973.082.693</u>	<u>59.289.725.196</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	1.022.000.845	1.331.784.669

(\*) Khoản hỗ trợ từ công ty mẹ nhằm thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mãi của Công ty.

**28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành như sau:

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	137.782.547.692	45.281.896.172
Thuế tính ở thuế suất 20%	27.556.509.538	9.056.379.234
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(127.592.476)	(185.586.976)
Chi phí không được khấu trừ	1.207.232.504	21.119.298
Dự phòng đầu tư dài hạn	-	491.707.790
Dự phòng thiếu của năm trước	1.483.050.589	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>30.119.200.155</u>	<u>9.383.619.346</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	30.119.200.155	8.891.911.556
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	491.707.790
	<u>30.119.200.155</u>	<u>9.383.619.346</u>

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	60.417.276.040	53.252.253.748
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.434.884.217	2.394.005.039
Chi phí văn phòng, nhà xưởng, nhà kho	26.702.789.493	18.744.466.615
Chi phí bao bì chai kết	25.690.024.431	17.078.780.668
Chi phí hỗ trợ bán hàng	51.988.892.578	57.837.420.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.813.743.211	14.414.965.995
Các chi phí khác bằng tiền	27.017.165.987	27.986.355.609
	<u>209.064.775.957</u>	<u>191.708.247.754</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SỐNG TIỀN**

Mẫu số B 09 – DN

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn do chiếm 90% vốn cổ phần của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2017 VND	2016 VND
<i>i) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>				
	Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Mua hàng	4.245.799.783.388	3.722.838.079.760
<i>ii) Trả cổ tức</i>				
	Công ty Cổ phần Bia- Nước giải khát Sài Gòn-Tây Đô Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Chia cổ tức	3.570.361.256	812.500.000
	Công Ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Chia cổ tức	552.500.000	-
		Chia cổ tức	-	29.972.500
			<u>4.122.861.256</u>	<u>842.472.500</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN**

**Mẫu số B 09 – DN**

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Mối quan hệ	Nội dung nghịệp vụ	2017 VND	2016 VND
<i>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>				
Lương và các quyền lợi gộp khác			3.997.270.588	2.517.521.184
<i>iv) Giao dịch với các bên liên quan khác</i>				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Hỗ trợ bán hàng	73.106.673.324	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong tập đoàn Sabeco	Hỗ trợ bán hàng	-	50.433.623.282
			73.106.673.324	50.433.623.282



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN**

Mẫu số B 09 – DN

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh 4)</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Hỗ trợ bán hàng	36.027.287.513	394.659.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Công ty trong Tập đoàn Sabeco	Bán hàng	29.855.100	29.855.100
			<u>36.057.142.613</u>	<u>424.514.600</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 5)</b>				
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	Công ty trong Tập đoàn Sabeco	Mua hàng	-	14.000.140
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)</b>				
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Công ty trong Tập đoàn Sabeco	Mua hàng	325.000.000	325.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong Tập đoàn Sabeco	Hỗ trợ bán hàng	-	35.750.843.772
			<u>325.000.000</u>	<u>36.075.843.772</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)</b>				
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong Tập đoàn Sabeco	Mua hàng	211.782.379.651	31.100.224.099



**31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Thuê hoạt động	
	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Dưới 1 năm	33.026.188.133	16.445.703.192
Từ 1 đến 5 năm	132.104.752.531	65.508.812.768
Trên 5 năm	392.419.404.727	108.033.743.682
	<u>557.550.345.391</u>	<u>189.988.259.642</u>



Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2018.

*Trần Thị Mỹ Nhân*

Trần Thị Mỹ Nhân  
Người lập

*Bùi Chí Hiếu*

Bùi Chí Hiếu  
Kế toán trưởng



Lương Trung Nhân  
Giám đốc

